

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/09/2021

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Bà **Ngô Hồng Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 09 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2021 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Q**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Q có tổ chức đám cưới với nhau vào khoảng cuối năm 1987 đầu năm 1988 tuy nhiên đến nay ông T và bà Q không có đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi đám cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cách nay khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống và xảy ra cãi nhau. Đồng thời ông T và bà Q đã ly thân với nhau gần 01 năm nay. Hiện tại bà Q đang đi làm thuê ở thành phố, còn ông T thì ở tại ấp N, xã N, huyện H. Từ khi ly thân đến nay thì ông T và bà Q không có tìm cách hàn gắn với nhau, không ai quan tâm tới ai, mỗi người đều có cuộc sống

riêng. Nay ông T nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà Q được nữa nên ông xin được ly hôn với bà Đỗ Thị Q.

Về con chung: Ông T xác định quá trình chung sống vợ chồng ông T, bà Q có với nhau hai người con chung là Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1989 và Nguyễn Huyền C, sinh năm 1996. Hiện tại hai người con chung của vợ chồng ông T đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên khi ly hôn ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Đỗ Thị Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xuống địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với bà Đỗ Thị Q tuy nhiên bà Q không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết bà Đỗ Thị Q hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng bà Q vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và bà Q vẫn có đi và về địa phương nhưng không biết chính xác khi nào bà Q về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Q đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Đỗ Thị Q.

+ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Đỗ Thị Q nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn bà Đỗ Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà Q căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Quốc T với bà Đỗ Thị Q, thấy rằng: Ông T xác định ông T và bà Q có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện vào khoảng cuối năm 1987 đầu năm 1988 nhưng đến nay vợ chồng ông, bà vẫn không có đăng ký kết hôn với nhau.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”* và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ...”*

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Q đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T tuy nhiên do ông T và bà Q không tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Đỗ Thị Q.

[4] Về quan hệ con chung: Ông T xác định quá trình chung sống vợ chồng ông T, bà Q có với nhau hai người con chung là Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1989 và Nguyễn Huyền C, sinh năm 1996. Khi ly hôn ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung do các con đã trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xem xét sổ hộ khẩu gia đình do ông T cung cấp cho Tòa án đồng thời qua xác minh ông Hồ N là trưởng ấp N, xã N nơi vợ chồng ông T, bà Q sinh sống có cơ sở xác định vợ chồng ông T, bà Q có hai người con chung như ông T trình bày và những người con này hiện tại đã trưởng thành cũng như đã lập gia đình riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về con chung giữa ông T và bà Q.

[5] Về quan hệ tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Bà Đỗ Thị Q không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Quốc T và bà Đỗ Thị Q là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005770 ngày 14/04/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh